

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

CỤC THUẾ TỈNH NINH THUẬN	
ĐẾN	Số K
Ngày:	
Chuyển:	26/3/2024
Số và ký hiệu HS:	

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59, đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là “Quỹ”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ QUỸ

Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 31 tháng 05 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

• Trụ sở hoạt động chính

Địa chỉ : Số 59, đường 16 tháng 4, Phường Thanh Sơn, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

Điện thoại : 0259 3828 583

Fax : 0259 3828 585

Mã số thuế : 4500560092

HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Quỹ trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản lý</u>			
Ông Phạm Văn Hậu	Chủ tịch		01/12/2020
Ông Phan Tấn Cảnh	Chủ tịch	21/12/2020	
Ông Nguyễn Văn Trường	Phó Chủ tịch thường trực		01/12/2020
Ông Nguyễn Văn Nhứt	Phó Chủ tịch thường trực	21/12/2020	
Ông Phan Quỳnh Dao	Phó Chủ tịch chuyên trách	21/12/2020	
Ông Phạm Đồng	Thành viên		01/11/2020
Ông Lê Kim Hoàng	Thành viên	21/12/2020	
Ông Hồ Chu Vân	Thành viên	21/12/2020	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Ông Huỳnh Tấn Quốc	Trưởng ban		
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên		
Bà Trần Thị Phước Tuyền	Thành viên		
<u>Ban Giám đốc</u>			
Ông Phan Quỳnh Dao	Giám đốc		
Ông Nguyễn Hùng	Phó Giám đốc	01/11/2020	
Ông Lê Chu Lâm	Phó Giám đốc		15/6/2020
Ông Lê Anh Tuấn	Phó Giám đốc		

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là ông Phan Quỳnh Dao, chức vụ Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Quỹ.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Quỹ cần phải:

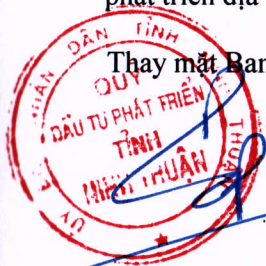
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Quỹ đảm bảo rằng, Quỹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Quỹ và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Quỹ cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phan Quỳnh Dao - Giám đốc

Ninh Thuận, ngày 22 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2021, từ trang 6 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HẢI – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1

LÊ TRANG THỦY DUNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: : 4724-2019-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B01 - ĐTPT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	31/12/2019
A. TÀI SẢN (100 = 110+120+130+140+150+160+170+180)		100		133.905.134.981	145.115.575.427
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	49.524.413	8.021.411.802
Tiền		111		49.524.413	8.021.411.802
II. Các khoản đầu tư		120		120.855.786.940	101.952.352.753
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		121	V.2	92.375.000.000	75.394.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		121a		92.375.000.000	75.394.000.000
2. Cho vay		122	V.3	28.480.786.940	26.558.352.753
a. Cho vay		122a		28.696.006.992	26.759.045.595
b. Dự phòng rủi ro cho vay		122b		(215.220.052)	(200.692.842)
III. Các khoản phải thu		130		2.662.906.494	21.172.053.744
1. Phải thu của khách hàng		131	V.4	2.597.782.848	21.104.830.638
a. Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay		131a		1.864.212.329	1.687.461.246
b. Phải thu phí hoạt động nhận ủy thác		131d		733.570.519	783.108.790
c. Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác		131e		-	18.634.260.602
2. Trả trước cho người bán		132	V.5	-	12.760.000
3. Phải thu khác		136	V.6	65.123.646	54.463.106
IV. Hàng tồn kho		140		892.274.334	560.972.651
Hàng tồn kho		141	V.7	892.274.334	560.972.651
V. Tài sản cố định		150		9.415.997.557	9.482.992.680
1. Tài sản cố định hữu hình		151	V.8	874.597.557	941.592.680
Nguyên giá		152		1.636.633.710	1.636.633.710
Giá trị hao mòn lũy kế		153		(762.036.153)	(695.041.030)
2. Tài sản cố định vô hình		157	V.9	8.541.400.000	8.541.400.000
Nguyên giá		158		8.541.400.000	8.541.400.000
VI. Bất động sản đầu tư		160		-	-
VII. Tài sản dở dang		170		-	3.857.735.103
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		171	V.10	-	3.857.735.103
VIII. Tài sản khác		180		28.645.243	68.056.694
1. Thuế GTGT được khấu trừ		181		2.915.272	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		182	V.13	-	-
3. Chi phí trả trước		183	V.11	25.729.971	68.056.694

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	31/12/2019
B. NỢ PHẢI TRẢ	200		10.276.795.375	31.593.534.115
I. Nhận ủy thác, nhận hợp vốn cho vay	210		-	8.004.074.742
Vốn nhận ủy thác cấp phát đầu tư	211	V.12	-	8.004.074.742
II. Các khoản phải trả	220		10.276.795.375	23.589.459.373
1. Phải trả người bán	221	V.13	-	316.362.089
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	224	V.14	8.976.577.350	2.339.687.831
3. Phải trả người lao động	225		792.502.122	1.435.626.434
4. Phải trả khác	229	V.15	106.232.164	18.753.827.624
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	232	V.16	401.483.739	743.955.395
III. Vay và nợ thuê tài chính	240		-	-
C. VỐN CHỦ SỞ HỮU	300		123.628.339.606	113.522.041.312
I. Vốn chủ sở hữu	310	V.17	123.628.339.606	113.522.041.312
1. Vốn góp của chủ sở hữu	311		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	312		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	314		11.401.968.912	3.856.490.815
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	315		1.855.605.600	925.535.824
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	316		10.370.765.094	8.740.014.673
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	316b		10.370.765.094	8.740.014.673
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	320		-	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU				
(330=200+300)	330		133.905.134.981	145.115.575.427

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Phan Quỳnh Dao
Giám đốc

Lưu Quang Vũ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Thư
Người lập biểu

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

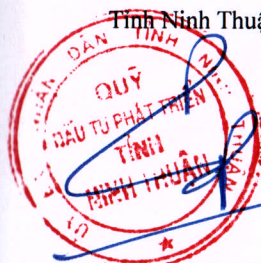
Năm 2020

Mẫu B02-ĐTPT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1.	Thu nhập lãi thuần	01	VI.1	7.196.222.725	6.359.192.980
1.1.	Doanh thu thuần lãi cho vay	02		7.197.020.292	6.363.144.771
1.2.	Chi phí lãi vay, chi phí liên quan trực tiếp tới việc huy động vốn và các Khoản chi phí hoạt động cho vay	03		797.567	3.951.791
2.	Thu thập thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	04	VI.2	9.875.794.031	10.578.071.243
2.1.	Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	05		20.722.252.872	18.721.116.465
2.2.	Chi phí hoạt động đầu tư trực tiếp	06		10.846.458.841	8.143.045.222
3.	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	07	VI.3	668.243.812	840.200.593
3.1.	Doanh thu thuần hoạt động dịch vụ	08		668.243.812	840.200.593
4.	Thu nhập thuần từ hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10		-	-
5.	Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	13		-	-
6.	Chi phí hoạt động kinh doanh	16	VI.4	5.410.971.983	6.077.431.345
7.	Thu nhập thuần khác	17	VI.5	3.478.627	15.278
7.1.	Thu nhập thuần từ hoạt động khác	18		3.478.627	15.278
8.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro cho vay	20		12.332.767.212	11.700.048.749
9.	Chi phí dự phòng rủi ro cho vay	30	VI.6	14.527.210	13.242.947
10.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40		12.318.240.002	11.686.805.802
11.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	50		1.763.351.468	2.386.108.040
11.1.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	1.763.351.468	2.386.108.040
12.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.554.888.534	9.300.697.762

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Phan Quỳnh Dao
Giám đốc

Lưu Quang Vũ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Thư
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2020

Mẫu B03a - ĐTPT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động đầu tư trực tiếp	01		21.454.339.000	20.169.774.770
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.138.444.337)	(1.076.597.109)
3. Tiền thu từ các Khoản phí	03		784.606.464	
4. Tiền chi cho vay	04		(8.070.157.036)	(6.673.382.419)
5. Tiền thu hồi gốc cho vay	05		6.133.195.639	4.907.656.163
6. Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	06		7.020.269.209	6.080.971.023
6. Chênh lệch tiền thu, chi từ nhận vốn ủy thác cấp phát đầu tư	11		(8.004.074.742)	8.004.074.742
7. Tiền chi trả cho người lao động	16		(4.227.845.084)	(3.666.259.402)
8. Thuế TNDN đã nộp	18		(1.706.975.594)	(2.829.997.495)
9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	19		2.722.798.789	563.616.131
10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20		(5.958.599.697)	(11.038.268.348)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.009.112.611	14.441.588.056
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	33		(96.000.000.000)	(80.724.000.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34		79.019.000.000	69.166.800.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40		(16.981.000.000)	(11.557.200.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60		(7.971.887.389)	2.884.388.056
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	70		8.021.411.802	5.137.023.746
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	80	V.1	49.524.413	8.021.411.802

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2021

Phan Quỳnh Dao
Giám đốcLư Quang Vũ
Kế toán trưởngVõ Thị Minh Thư
Người lập biểu

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09-ĐTPT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Tổ chức tài chính của địa phương 100% vốn nhà nước
 - **Vốn điều lệ** : 100.000.000.000 VND do ngân sách tỉnh cấp và bổ sung từ các nguồn khác theo quy định.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Đầu tư Tài chính và Đầu tư phát triển
3. **Ngành nghề kinh doanh:**

Quỹ được thành lập nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư vào dự án, doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh Ninh Thuận.
4. **Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Quỹ được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 là kỳ kế toán năm thứ chín của Quỹ.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Quỹ áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 209/2015/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng với Quỹ đầu tư phát triển địa phương, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Quỹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ của Quỹ và phải thu khác sau khi cân trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, các khoản thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, tạm ứng nhân viên.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21/01/2013 được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 09/2014/TT-NHNN ngày 18/03/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	21
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4
Thiết bị văn phòng	5

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Quỹ thể hiện quyền sử dụng đất.

Giá trị quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đất sử dụng. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

7. Đầu tư xây dựng dự án công trình

Giá trị đầu tư xây dựng dự án công trình được trình bày trên Báo cáo tài chính là giá trị các khoản đầu tư trực tiếp của Quỹ vào các dự án, công trình thuộc danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

Giá trị đầu tư xây dựng dự án công trình được ghi nhận tại thời điểm có hồ sơ nghiệm thu từng phần hoặc hồ sơ quyết toán toàn bộ với nhà thầu xây dựng. Đối với Hợp đồng xây dựng có điều chỉnh đơn giá hoặc phát sinh khối lượng ngoài hợp đồng, Quỹ tạm ghi nhận giá trị đầu tư xây dựng dự án theo đơn giá trúng thầu, phần giá trị khối lượng còn lại được ghi nhận khi hồ sơ quyết toán công trình được phê duyệt theo quy định.

8. Các khoản trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Quỹ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

9. Nguồn vốn kinh doanh và các quỹ

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của chủ sở hữu.
- Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Quỹ sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận sau thuế phân phối vào các Quỹ được thực hiện theo Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/08/2007 về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư Phát triển địa phương, Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22/04/2013 sửa đổi một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/08/2007, Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25/02/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương và khi có quyết định của Hội đồng quản lý.

10. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách đáng tin cậy, trong đó lãi tiền gửi, lãi cho vay phát sinh được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Doanh thu lãi cho vay được Quỹ ngừng ghi nhận vào kết quả kinh doanh và theo dõi ngoài bảng kế từ thời điểm khoản nợ được phân loại sang nhóm 2 trở lên.

11. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

12. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Quỹ căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Tiền mặt	9.979.973	1.647.000
b. Tiền gửi ngân hàng		
Tiền gửi ngân hàng của Quỹ	39.544.440	15.690.060
Tiền gửi kho bạc Ninh Thuận vốn nhận ủy thác cấp phát đầu tư	-	8.004.074.742
Cộng	49.524.413	8.021.411.802

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền gửi có kỳ hạn	92.375.000.000	92.375.000.000	75.394.000.000	75.394.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh Ninh Thuận	50.970.000.000	50.970.000.000	38.380.000.000	38.380.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Liên Việt Post Bank	6.100.000.000	6.100.000.000	5.544.000.000	5.544.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Công thương tỉnh Ninh Thuận	28.855.000.000	28.855.000.000	10.385.000.000	10.385.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Ngoại thương tỉnh Ninh Thuận	6.450.000.000	6.450.000.000	21.085.000.000	21.085.000.000
Cộng	92.375.000.000	92.375.000.000	75.394.000.000	75.394.000.000

3. Cho vay**3.1. Hình thức cho vay**

a. Quỹ trực tiếp cho vay	21.758.534.956	21.595.345.944	26.759.045.595	26.558.352.753
Trung tâm quản lý nhà và chung cư Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh BĐS Phú Thịnh	11.415.731.947	11.330.113.957	16.609.941.700	16.485.367.137
	10.342.803.009	10.265.231.986	10.149.103.895	10.072.985.616
b. Quỹ hợp vốn cho vay	6.937.472.036	6.885.440.996	-	-
Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	6.937.472.036	6.885.440.996	-	-
Cộng	28.696.006.992	28.480.786.940	26.759.045.595	26.558.352.753

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3.2/ Phân tích chất lượng dư nợ cho vay		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	28.696.006.992	26.759.045.595
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	-	-
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	-	-
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	-	-
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	-	-
Cộng	28.696.006.992	26.759.045.595
3.3/ Phân tích dư nợ cho vay theo thời gian		
Nợ trung hạn	7.806.763.499	10.149.103.895
Nợ dài hạn	20.889.243.493	16.609.941.700
Cộng	28.696.006.992	26.759.045.595
3.4/ Dự phòng rủi ro cho vay		
a/ Dự phòng chung		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(200.692.842)	(187.449.895)
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	(20.462.385)	(18.789.038)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong kỳ	5.935.175	5.546.091
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro		
Số cuối năm	(215.220.052)	(200.692.842)
b/ Dự phòng cụ thể:		
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Dự phòng rủi ro trích lập trong kỳ	-	-
Hoàn nhập dự phòng rủi ro trong kỳ	-	-
Số dự phòng đã sử dụng để xử lý rủi ro	-	-
Số cuối năm	-	-
4. Phải thu của khách hàng		
	Số cuối năm	Số đầu năm
4.1. Phải thu của khách hàng có thời gian thu hồi không quá 12 tháng	2.597.782.848	2.470.570.036
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn, lãi tiền cho vay	1.864.212.329	1.687.461.246
Trong đó:		
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Ninh Thuận	755.728.905	331.610.222
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Ninh Thuận	183.043.013	160.461.832
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Ninh Thuận	74.338.849	512.935.247
Ngân hàng TMCP ĐPTT VN - CN Ninh Thuận	844.934.920	682.453.945

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận	6.166.642	
Phí nhận ủy thác quản lý hoạt động Quỹ Bảo lãnh tín dụng Ninh Thuận	733.570.519	783.108.790
4.2. Phải thu của khách hàng trên 12 tháng	-	18.634.260.602
Vốn cấp phát dự án nhà ở xã hội D7 - D10 (Quỹ Phát triển Nhà ở)	-	18.634.260.602
Cộng	2.597.782.848	21.104.830.638

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán không quá 12 tháng	-	12.760.000
Công ty TNHH Việt Hoàng	-	12.760.000
Cộng	-	12.760.000
Trả trước cho người bán trên 12 tháng	-	-
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-

6. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng nhân viên	54.083.000	42.413.333
Phải thu ngắn hạn khác	11.040.646	12.049.773
Cộng	65.123.646	54.463.106

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Thành phẩm	-	-	-	-
Dự án đầu tư khác	892.274.334	-	560.972.651	-
Chi phí đầu tư hoàn thành Dự án KDC đường Minh Mạng	780.079.803	-	-	-
Chi phí đầu tư hoàn thành Dự án KDC Cầu Quắn - Cà Ná	112.194.531	-	560.972.651	-
Cộng	892.274.334	-	560.972.651	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.383.833.710	212.800.000	40.000.000	1.636.633.710
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	1.383.833.710	212.800.000	40.000.000	1.636.633.710

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN
 Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	442.241.030	212.800.000	40.000.000	695.041.030
Tăng trong năm	66.995.123	-	-	66.995.123
Khấu hao trong năm	66.995.123	-	-	66.995.123
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	509.236.153	212.800.000	40.000.000	762.036.153
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	941.592.680	-	-	941.592.680
Số cuối năm	874.597.557	-	-	874.597.557
<i>Trong đó:</i>				
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:				
Số đầu năm	-	212.800.000	40.000.000	252.800.000
Số cuối năm	-	212.800.000	40.000.000	252.800.000

(*) Nhà cửa vật kiến trúc là giá trị tài sản trên đất tại số 01 đường Hùng Vương, phường Mỹ Hương, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Quỹ được nhà nước giao tài sản này không thu tiền sử dụng đất và thời hạn sử dụng lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT-01252 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 11/07/2013.

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có diện tích 616,1 m2 tại số 01 đường Hùng Vương, phường Mỹ Hương, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận với giá trị là 8.541.000.000 VND. Quỹ được nhà nước giao tài sản này không thu tiền sử dụng đất và thời hạn sử dụng lâu dài theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT-01252 do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 11/07/2013.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án KDC đường Minh Mạng - P.Đô Vinh	-	-	3.857.735.103	3.857.735.103
Cộng	-	-	3.857.735.103	3.857.735.103

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước không quá 12 tháng	-	-
Chi phí trả trước trên 12 tháng	25.729.971	68.056.694
Chi phí công cụ dụng cụ	25.729.971	68.056.694
Cộng	25.729.971	68.056.694

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN
Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Hoạt động nhận ủy thác, nhận hợp vốn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	8.004.074.742	-
Số nhận trong kỳ	-	15.000.000.000
Số đã giải ngân trong kỳ	2.526.192.134	6.995.925.258
Nộp trả lại Ngân sách	5.477.882.608	-
Số dư cuối năm	-	8.004.074.742

Vốn nhận ủy thác của Ngân sách tỉnh cấp phát đầu tư thực hiện Dự án Nhà ở xã hội D7-D10 theo Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 31/5/2019, Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 27/6/2019, Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

13. Phải trả người bán

a/ Các khoản phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH XD-TM-DV Hải Vân	-	-	47.612.522	47.612.522
Công ty TNHH TM và XD Sơn Long Thuận	-	-	194.360.283	194.360.283
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng Đăng Thịnh	-	-	32.627.012	32.627.012
Các đối tượng khác	-	-	41.762.272	41.762.272
Cộng	-	-	316.362.089	316.362.089

b/ Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có
c/ Phải trả người bán là các bên liên quan: Không có

14. Thuế và các Khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	72.684.125	1.349.108.495	(1.421.792.620)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.614.121	1.763.351.468	(1.706.975.594)	86.989.995
Thuế thu nhập cá nhân	7.181.071	118.056.915	(113.463.902)	11.774.084
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Thuế, phí, lệ phí khác	2.229.208.514	6.650.722.757	(2.118.000)	8.877.813.271
- Phí sử dụng đường bộ	-	2.118.000	(2.118.000)	-
- Tiền sử dụng đất phải nộp	2.229.208.514	6.648.604.757	-	8.877.813.271

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Tiền sử dụng đất phải nộp	2.229.208.514	7.216.369.757	-	9.445.578.271
Tiền sử dụng đất được khấu trừ theo VB số 1946/UBND-KTTH ngày 01/6/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận		(567.765.000)	-	(567.765.000)
Cộng	2.339.687.831	9.884.239.635	(3.247.350.116)	8.976.577.350
Trình bày trên CĐKT:				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-			-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.339.687.831			8.976.577.350

15. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a/ Các khoản phải trả	106.232.164	18.753.827.624
Quỹ phát triển nhà ở chờ xử lý	-	18.634.260.602
Bảo hiểm xã hội	12.923.400	
Bảo hiểm y tế	2.280.600	
Kinh phí công đoàn	-	6.758.032
Phải trả khác	91.028.164	112.808.990
Cộng	106.232.164	18.753.827.624
b/ Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

16. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Tại ngày 01 tháng 01	743.955.395	525.795.484
Tăng khác	7.460.000	19.470.000
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	448.590.240	821.402.229
Chi các quỹ	(798.521.896)	(622.712.318)
Tại ngày 31 tháng 12	401.483.739	743.955.395

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn ngân sách nhà nước cấp (*)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	100.000.000.000	2.546.486.590	702.741.841	1.793.517.348	105.042.745.779
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	9.300.697.762	9.300.697.762
Trích lập quỹ trong năm trước	-	1.310.004.225	222.793.983	(2.354.200.437)	(821.402.229)
Số cuối năm trước	100.000.000.000	3.856.490.815	925.535.824	8.740.014.673	113.522.041.312
Số đầu năm nay	100.000.000.000	3.856.490.815	925.535.824	8.740.014.673	113.522.041.312
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	10.554.888.534	10.554.888.534
Trích lập quỹ trong năm	-	7.545.478.097	930.069.776	(8.924.138.113)	(448.590.240)
Số cuối năm nay	100.000.000.000	11.401.968.912	1.855.605.600	10.370.765.094	123.628.339.606

Phân phối lợi nhuận

Trong năm Quý đã thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trích quỹ đầu tư phát triển	7.545.478.097	1.310.004.225
Trích quỹ thưởng BQL điều hành	264.466.800	241.533.120
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	184.123.440	19.186.020
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	560.683.089
Trích quỹ dự phòng tài chính	930.069.776	222.793.983
Cộng	8.924.138.113	2.354.200.437

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
2. Mức vốn cho vay	28.696.006.992	26.759.045.595
3. Mức vốn đầu tư	-	-
4. Ngoại tệ các loại	-	-
5. Tài sản nhận thế chấp	64.846.000.000	64.100.000.000
6. Lãi chưa thu cho vay vốn nhận ủy thác	-	-
7. Lãi chưa thu cho vay đầu tư	-	-
8. Các cam kết bảo lãnh cho khách hàng	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Thu nhập lãi thuần

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần lãi cho vay	7.197.020.292	6.363.144.771
Doanh thu từ lãi tiền cho vay	1.984.375.671	1.556.519.247
Doanh thu từ lãi tiền gửi	5.212.644.621	4.806.625.524
Chi phí hoạt động cho vay	797.567	3.951.791
Thu nhập lãi thuần	7.196.222.725	6.359.192.980

2. Thu nhập thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp

Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	20.722.252.872	18.721.116.465
Giá vốn hoạt động đầu tư trực tiếp	10.846.458.841	8.143.045.222
Thu nhập thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	9.875.794.031	10.578.071.243

3. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ

Doanh thu nhận ủy thác quản lý hoạt động Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho DN vừa và nhỏ tỉnh Ninh Thuận	668.243.812	840.200.593
Chi phí hoạt động dịch vụ	-	-
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	668.243.812	840.200.593

4. Chi phí hoạt động kinh doanh

a/ Chi phí bán hàng	52.727.273	-
Chi phí bán hàng khác	52.727.273	-
b/ Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.358.244.710	6.077.431.345
Chi phí nhân viên quản lý	3.985.324.328	4.440.708.825
Chi phí đồ dùng văn phòng	57.553.213	41.352.024
Chi phí khấu hao TSCĐ	66.995.123	66.812.076
Thuế, phí và lệ phí	5.119.317	5.358.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.181.209	185.742.941
Chi phí bằng tiền khác	1.117.071.520	1.337.457.479
Cộng	5.410.971.983	6.077.431.345

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính kèm theo

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Thu nhập thuần khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập thuần từ hoạt động khác	3.478.627	15.278
Thu nhập khác	3.478.627	15.278
Chi phí khác	-	-
Chi phí khác	-	-
Thu nhập thuần khác	3.478.627	15.278

6. Chi phí dự phòng rủi ro cho vay

a/ Dự phòng chung	14.527.210	13.242.947
b/ Dự phòng cụ thể	-	-
Cộng	14.527.210	13.242.947

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.318.240.002	11.686.805.802
Các khoản điều chỉnh LNKT trước thuế	277.127.626	243.734.400
Các khoản điều chỉnh tăng	277.127.626	243.734.400
- Chi phí thù lao HĐQT không chuyên trách	210.132.503	243.734.400
- Chi phí khấu hao TSCĐ	66.995.123	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	12.595.367.628	11.930.540.202
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	2.519.073.526	2.386.108.040
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết số 116/2020/QH14	(755.722.058)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.763.351.468	2.386.108.040

Năm 2020, Quỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, Quỹ được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 theo khoản 1 điều 2 Nghị quyết Quốc hội số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020.

Quỹ không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Nghịệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan khác với Quỹ gồm:

Bên liên quan

UBND tỉnh Ninh Thuận

Mối quan hệ

Chủ sở hữu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đã cấp từ UBND tỉnh Ninh Thuận	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>
Cộng	<u>100.000.000.000</u>	<u>100.000.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương, thù lao của Người quản lý của Quỹ trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thù lao của Người quản lý của Quỹ (bao gồm HĐQT, BKS, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng)	<u>1.713.393.839</u>	<u>2.168.811.936</u>
Cộng	<u>1.713.393.839</u>	<u>2.168.811.936</u>

Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2021



Phan Quỳnh Dao
Giám đốc

Lưu Quang Vũ
Kế toán trưởng

Võ Thị Minh Thư
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính